

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **121/2024/DS-ST**
Ngày: 19-8-2024
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
T3 dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Văn Nam

2/ Bà Mai Thị Nhặt

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Sương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 242/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 383/2024/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 437/2024/QĐST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2024 giữa:

1/ Nguyên đơn: Ngân hàng N. Địa chỉ trụ sở chính: Số 2, đường L, Phường T, Quận B, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V; Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Chi nhánh thực hiện việc khởi kiện: Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Mỏ Cày Nam Bến Tre. Địa chỉ chi nhánh: Khu phố 2, thị trấn M, huyện M1, tỉnh Bến Tre. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Hoàng H; Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Mỏ Cày Nam Bến Tre (Theo quyết định ủy quyền số 2664/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Tổng giám đốc Ngân hàng N).

Ông H ủy quyền cho bà Lê Thị Kiều O, sinh năm 1988; Nơi cư trú: ấp T1, xã T2, huyện M2, tỉnh Bến Tre – Là Trưởng phòng khách hàng - Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Mỏ Cày Nam Bến Tre tham gia tố tụng (Giấy uỷ quyền số 244/NHNo.MCN-TH ngày 20/06/2024). (*Xin vắng mặt*).

2/ Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc T3, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Ấp A (ấp A1 cũ), xã B1, huyện M1, tỉnh Bến Tre. (*Vắng mặt*)

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Lệ D, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Ấp A (ấp A1 cũ), xã B1, huyện M1, tỉnh Bến Tre. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là bà Lê Thị Kiều O trình bày:

Ông Nguyễn Quốc T3 có vay vốn tại Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Mỏ Cày Nam Bến Tre (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) theo hợp đồng tín dụng số 2019.07.07.0020/HĐTD (7103-LAV-201901117) ngày 03/4/2019, hạn mức cho vay là 150.000.000 đồng. Trong thời hạn cho vay, phía Ngân hàng đã giải ngân các khoản sau:

+ Căn cứ vào Giấy nhận nợ số 7103LDS201901661 ngày 08/4/2019 số tiền vay là 150.000.000 đồng, trả nợ ba kỳ gồm ngày 05/4/2020 trả gốc 20.000.000 đồng, ngày 05/4/2021 trả gốc 30.000.000 đồng, ngày 05/4/2022 trả gốc 100.000.000 đồng, mục đích vay: chăn nuôi bò, lãi suất 10%/năm, áp dụng lãi suất thả nổi, lãi suất quá hạn 150% lãi suất vay đã thoả thuận.

+ Căn cứ báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ số 7103-LDS-202101998 ngày 16/4/2021 số tiền vay là 50.000.000 đồng, trả gốc ngày 16/4/2022, mục đích vay: chăn nuôi bò, lãi suất 10%/năm, áp dụng lãi suất thả nổi, lãi suất quá hạn 150% lãi suất vay đã thoả thuận.

Ngoài ra, căn cứ quy định tại khoản 2, 3 Điều 9 Nghị định 55/2015/NĐ-CP và Nghị định 116/2018/NĐ-CP khách hàng vay phải nộp cho tổ chức tín dụng cho vay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo giấy Cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản ngày 03/4/2019, cụ thể ông T3 đã nộp cho Ngân hàng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 106562, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS02196, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 28/4/2016 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 084149, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS02392, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 26/10/2017 cho ông Nguyễn Quốc T3.

Đến kỳ hạn trả nợ vào ngày 05/4/2022, số tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi nhưng ông T3 không trả được. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông T3 và vợ là bà D thanh toán nợ nhưng ông T3 vắng mặt tại địa phương và cho đến nay cũng không thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng.

Do ông T3 đã vi phạm nghĩa vụ theo thoả thuận nên nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Quốc T3 và bà Lê Lệ Dung có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 19/8/2024 gồm tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng, tiền lãi là 58.914.798 đồng và tiền lãi phát sinh theo thoả thuận trong hợp đồng tín dụng từ ngày 20/8/2024 cho đến ngày thanh toán hết nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Quốc T3 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Lệ D vắng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nên không có lời trình bày, không gửi văn bản nêu ý kiến và tài liệu, chứng cứ cho Tòa án xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Nguyễn Quốc T3 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Lê D có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc và nợ lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên nên xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ngân hàng cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm bởi việc vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng của ông T3 nên Ngân hàng có quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 68 và Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Ông T3 có nơi cư trú tại ấp A (ấp A1 cũ), xã B1, huyện M1, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào quan hệ pháp luật tranh chấp và nơi cư trú của bị đơn xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là bà Lê Thị Kiều O có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà O. Ông T3 và bà D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T3 và bà D.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, Hội đồng xét xử nhận định: Ngân hàng yêu cầu ông T3 và vợ là bà D có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ gốc và tiền lãi theo hợp đồng T3 dụng đã ký kết, tính đến ngày 19/8/2024 số tiền gốc là 150.000.000 đồng, tiền lãi là 58.914.798 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 20/8/2024 đến khi hết nợ theo mức lãi suất các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng. Xét thấy, Hợp đồng tín dụng số 2019.07.07.0020/HĐTD (7103-LAV-201901117) ngày 03/4/2019 được ký kết giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Quốc T3 là tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định pháp luật nên có giá trị pháp lý, ràng buộc trách nhiệm giữa các bên. Ngân hàng xác định sau khi được giải ngân tiền vay, đến kỳ trả nợ vào ngày 05/4/2022 ông T3 không trả tiền theo thoả thuận. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nợ nhưng không được nên Ngân hàng khởi kiện. Quá trình giải quyết vụ án, ông T3 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp nhưng ông T3 không cung cấp văn bản nêu ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án xem xét. Bà D là vợ ông T3, đã ký hợp đồng uỷ quyền cho ông T3 thực hiện vay vốn tại Ngân hàng và không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, đây là những tình tiết, sự kiện nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ đó cho thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông T3 và bà D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng tổng số tiền vay gốc và tiền lãi như Ngân hàng yêu cầu là phù hợp.

[6] Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 106562, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS02196, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 28/4/2016 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 084149, số vào

sổ cấp giấy chứng nhận CS02392, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 26/10/2017 cho ông Nguyễn Quốc T3, Ngân hàng tự nguyện trả lại cho ông T3, bà D khi ông bà thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ nên ghi nhận.

[7] Xét về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông T3 và bà D có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các điều 91, 95 của Luật Các tổ chức T3 dụng;

Căn cứ vào các điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Quốc T3 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Lệ D có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn Ngân hàng Nông số tiền tính đến ngày 19/8/2024 là 208.914.798 (hai trăm lẻ tám triệu chín trăm mười bốn nghìn bảy trăm chín mươi tám) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng, tiền nợ lãi là 58.914.798 (năm mươi tám triệu chín trăm mười bốn nghìn bảy trăm chín mươi tám) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Quốc T3 và bà Lê Lệ D còn có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2019.07.07.0020/HĐTD (7103-LAV-201901117) ngày 03/4/2019 được ký kết giữa Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Mỏ Cày Nam Bến Tre và ông Nguyễn Quốc T3.

Ghi nhận Ngân hàng tự nguyện trả cho ông T3 và bà D Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 106562, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS02196, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 28/4/2016 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 084149, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS02392, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 26/10/2017 cho ông Nguyễn Quốc T3 khi ông T3 và bà D thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Quốc T3 và bà Lê Lệ D có nghĩa vụ liên đới chịu là 10.446.000 (mười triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn) đồng.

- Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.220.000 (năm triệu hai trăm hai mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002173 ngày 27/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự (3b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b)
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng (3b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Đinh Thị Kim Ngân